

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 954/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12/8/2021.

Về việc “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Bích Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Thực;

Ông Nguyễn Ngọc Hòa.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Danh Đồi – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án thụ lý số: 208/2021/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2579/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6825/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thanh Th**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 165/2A đường Tôn Thất Thuyết, Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Phan Anh T**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 2 Stockman DR Charlottetown PE C1E 1Z2, Canada, (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nội dung Đơn khởi kiện ngày 01/6/2021, nguyên đơn bà Lê Thanh Th trình bày:* Về quan hệ hôn nhân, ô bà Th và ông Phan Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định và được Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 30/96, quyển số 01/P4, ngày 12/12/1996. Sau khoảng thời gian chung sống, cuộc sống vợ chồng càng về sau càng nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, sau đó ông T đi

nước ngoài định cư, từ đó hai vợ chồng sống ly thân. ô bà Th xác nhận hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Phan Anh T.

Về con chung: ô bà Th khai bà và ông T có 03 người con chung gồm: Phan Tiến Hưng, sinh ngày 14/11/1997; Phan Tiến Cường, sinh ngày 02/10/1999 và Phan Khánh Linh, sinh ngày 29/12/2006. ô bà Th yêu cầu sau khi ly hôn, giao con chung là cháu Phan Khánh Linh cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà không phải cấp dưỡng cho con. Còn cháu Hưng và cháu Cường đã thành niên nên bà không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: ô bà Th khai hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, ô bà Th đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Theo nội dung Bản khai ngày 16/6/2021, bị đơn ông Phan Anh T trình bày: ông T thống nhất với những lời trình bày của ô bà Th về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung. Nay ô bà Th yêu cầu ly hôn, ông T đồng ý ly hôn. Đồng thời, ông T đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Xét thấy, bà Lê Thanh Th yêu cầu ly hôn với ông Phan Anh T và ông T hiện đang cư trú tại nước ngoài nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án về hôn nhân và gia đình là đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Xét Bản tự khai ngày 16/6/2021 của ông T đã được chứng thực hợp pháp hóa bởi Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Canada nên đây

được xem là chứng cứ hợp pháp của vụ án theo quy định tại Điều 94, Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Do nguyên đơn và bị đơn đều có đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thanh Th, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: ô bà Th và ông T chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30/96, quyển số 01/P4 do Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/1996, tại thời điểm đăng ký kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân của ô bà Th và ông T là hợp pháp. Sau thời gian chung sống, hai bên phát sinh mâu thuẫn không thể giải hòa, ông T đã định cư ở nước ngoài, vì khoảng cách địa lý nên vợ chồng không có sự gắn kết về tình cảm. Do hai bên đang sinh sống và làm việc ở hai nước khác nhau nên không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nay ô bà Th yêu cầu được ly hôn với ông T, ông T cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử có cơ sở công nhận sự thuận tình ly hôn của ô bà Th và ông T.

- Về con chung: ô bà Th và ông T có 03 người con chung gồm: Phan Tiến Hưng, sinh ngày 14/11/1997; Phan Tiến Cường, sinh ngày 02/10/1999 và Phan Khánh Linh, sinh ngày 29/12/2006. ô bà Th yêu cầu sau khi ly hôn, giao con chung là cháu Phan Khánh Linh cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà không phải cấp dưỡng cho con. Xét thấy ông T cũng đồng ý với yêu cầu nêu trên của ô bà Th, do đó Hội đồng xét xử có cơ sở ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của hai bên. Đối với con chung tên Phan Tiến Hưng và Phan Tiến Cường do đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: ô bà Th và ông T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nguyên đơn bà Lê Thanh Th phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Lê Thanh Th**, sinh năm 1970 và ông **Phan Anh T**, sinh năm 1965.

Giấy chứng nhận kết hôn số 30/96, quyển số 01/P4 do Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/1996 cho bà Lê Thanh Th và ông Phan Anh T hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: ô bà Th và ông T có 03 người con chung gồm: Phan Tiến Hưng, sinh ngày 14/11/1997; Phan Tiến Cường, sinh ngày 02/10/1999 và Phan Khánh Linh, sinh ngày 29/12/2006. Công nhận sự thỏa thuận giữa ô bà Th và ông T về việc giao con chung là cháu Phan Khánh Linh, sinh ngày 29/12/2006 cho ông Phan Anh T trực tiếp nuôi.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

1.3. Về cấp dưỡng: Ông Phan Anh T không yêu cầu bà Th cấp dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con đối với bà Lê Thanh Th cho đến khi có yêu cầu hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: bà Th và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn trong vụ việc hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Lê Thanh Th phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Th đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0094754 ngày 07/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. bà Th đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Ông Phan Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bà Lê Thanh Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND Phường 4, Quận 4, TP.HCM;
- UBND Phường 15, Quận 4, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án, (Đời-S), 18.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Bích Sơn



